

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 26 - 01 - 2022
“V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Sơn

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Bùi Thị Hoa

Ông Nguyễn Huy Cường

- Thư ký phiên tòa: Bà Đậu Thị Bích Thủy, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải, Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An mở phiên tòa để xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 188/2021/TLST-HNGĐ ngày 26/11/2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 215/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Doãn Thị H, sinh ngày 25/3/1988; chỗ ở hiện nay: số 8, ngõ 175 đường Hà H2 Tập, khối 5, phường Hà H2 Tập, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An; có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Thái Doãn H1, sinh ngày 13/5/1979; địa chỉ trước khi xuất cảnh: Khối 16, phường Hà H2 Tập, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An. Hiện đang xuất khẩu lao động tại Đài Loan; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, tại bản tự khai nguyên đơn chị Doãn Thị H trình bày: Chị và anh Thái Doãn H1 kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 30/12/2014 tại Ủy ban nhân dân phường Hà H2 Tập, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An. Trước khi cưới, anh H1 đã đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan. Sau khi kết hôn, anh H1 tiếp tục đi Đài Loan làm việc vào cuối tháng 01/2015 đến nay. Giữa năm 2016, vợ chồng mâu thuẫn và không liên lạc với nhau. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị Doãn Thị H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Thái Doãn H1.

Về con chung: Chị Doãn Thị H và anh Thái Doãn H1 có một con chung là Thái Doãn Nam H2, sinh ngày 20/9/2015. Hiện nay, cháu đang sống với chị H.

Khi ly hôn, chị H có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh H1 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Thái Doãn H1: Quá trình từ khi thụ lý vụ án cho đến nay, bị đơn là anh Thái Doãn H1 vắng mặt. Chị Doãn Thị H không cung cấp được địa chỉ cụ thể hiện nay anh H1 cư trú, chị chỉ biết anh H1 đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan. Tòa án đã niêm yết Thông báo thụ lý vụ án tại nơi cư trú cuối cùng của bị đơn, đồng thời gửi Thông báo thụ lý vụ án cho anh H1 thông qua bà Trương Thị Hà (là mẹ đẻ của anh H1), tiến hành xác minh, lấy lời khai, gửi văn bản yêu cầu ông Thái Doãn Cát và bà Trương Thị Hà (là bố mẹ đẻ của anh H1) cung cấp địa chỉ, tin tức của bị đơn. Tuy nhiên, ông Thái Doãn Cát cho biết thời gian ở nước ngoài, anh H1 thường xuyên liên lạc về với ông Cát, bà Hà nhưng không cho ông bà biết địa chỉ cụ thể của anh mà chỉ biết hiện nay anh đang sinh sống tại Đài Loan. Anh H1 biết về việc Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An đang thụ lý, giải quyết vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm giữa chị H với anh. Đến nay, Tòa án vẫn không nhận được văn bản nào thể hiện ý kiến của anh H1 liên quan đến nội dung giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án Thẩm phán, thư ký đã ban hành các quyết định và thực hiện đầy đủ các trình tự thủ tục tố tụng, Hội đồng xét xử đã tiến hành đầy đủ các thủ tục tố tụng tại phiên tòa.

Đối với những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn anh Thái Doãn H1 đã được bố mẹ đẻ của mình cung cấp các thông tin về việc chị Doãn Thị H xin ly hôn, nhưng vẫn cố tình giấu địa chỉ, không chấp hành các nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Vì vậy việc xét xử vụ án vắng mặt bị đơn là đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Xét thấy chị Doãn Thị H và anh Thái Doãn H1 có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Hà H2 Tập, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An vào năm 2014, không vi phạm điều cấm của luật nên hôn nhân là hợp pháp. Chị H và anh H1 không liên lạc với nhau từ giữa năm 2016 đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị Doãn Thị H được ly hôn anh Thái Doãn H1. Về con chung: Đề nghị giao con chung là Thái Doãn Nam H2 cho chị Doãn Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; anh Thái Doãn H1 không phải đóng góp phí tổn nuôi con do chị H không yêu cầu. Về tài sản chung, nợ chung: Chị H không yêu cầu nên không xem xét; chị Doãn Thị H và anh Thái Doãn H1 có quyền khởi kiện bằng vụ án dân sự khác khi có yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Vụ án hôn nhân và gia đình về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” giữa nguyên đơn chị Doãn Thị H và bị đơn anh Thái Doãn H1; trong đó chị H và anh H1 đều có hộ khẩu thường trú tại khối 16, phường Hà H2 Tập, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An; bị đơn anh Thái Doãn H1 đã xuất cảnh qua cửa khẩu quốc tế sân bay Nội Bài lần cuối là ngày 29/06/2019 đến nay chưa nhập cảnh, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An theo quy định tại khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37; điểm a khoản 1 Điều 40 và Điều 469 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh Thái Doãn H1 vắng mặt, Tòa án đã tiến hành xác minh tại ông Thái Doãn Cát và bà Trương Thị Hà (là bố, mẹ đẻ của anh H1), địa chỉ: khối 16, phường Hà H2 Tập, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An yêu cầu ông bà cung cấp địa chỉ, tin tức của bị đơn và thông báo cho anh H1 biết việc Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An đang thụ lý, giải quyết việc ly hôn giữa chị H và anh H1. Tuy nhiên, ông Thái Doãn Cát không cung cấp được địa chỉ hiện nay của anh H1 do anh H1 không cho ông bà biết; đến nay Tòa án vẫn chưa nhận được văn bản trình bày ý kiến của anh H1 liên quan đến yêu cầu khởi kiện, nên được coi như trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ, từ chối khai báo, từ chối cung cấp những tài liệu cần thiết. Vì vậy, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung. Tòa án đã tiến hành tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng tại địa chỉ nơi trú cuối cùng của anh H1 trước khi xuất cảnh theo đúng quy định pháp luật. Vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 2 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự. Chị H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Doãn Thị H, Hội đồng xét xử thấy rằng:

3.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Doãn Thị H và anh Thái Doãn H1 kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 30/12/2014 tại Ủy ban nhân dân phường Hà H2 Tập, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, khoảng giữa tháng 01/2015, anh H1 tiếp tục đi xuất khẩu tại Đài Loan từ đó đến nay. Khoảng giữa năm 2016, mâu thuẫn vợ chồng gay gắt và hai bên không liên lạc với nhau. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm, tính tình không hợp nhau và ở xa nhau quá lâu. Kể từ đó, vợ chồng không liên lạc với nhau. Đến nay, chị H không còn tình cảm vợ chồng với anh H1, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H cho chị Doãn Thị H được ly hôn anh Thái Doãn H1 theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

3.2. Về con chung: Chị Doãn Thị H và anh Thái Doãn H1 có một con chung là Thái Doãn Nam H2, sinh ngày 20/9/2015. Hiện nay, cháu H2 đang sống cùng chị H tại khối 5, phường Hà H2 Tập, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An. Khi ly hôn, chị H có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu H2, không yêu cầu anh H1 đóng góp cấp dưỡng nuôi con.

Xét nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là nguyện vọng chính đáng của người mẹ. Cháu Thái Doãn Nam H2 sống với chị H từ khi sinh ra đến nay. Anh H1 đang làm ăn, sinh sống ở nước ngoài. Vì vậy, để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của con cần giao con chung Thái Doãn Nam H2 cho chị Doãn Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Doãn Thị H không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3.3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Doãn Thị H không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Chị H, anh H1 có quyền khởi kiện bằng một vụ án dân sự khác khi có đơn yêu cầu.

[4] Về án phí sơ thẩm: Chị Doãn Thị H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37; điểm a khoản 1 Điều 40; khoản 1 Điều 207, Điều 147 và điểm a, b khoản 2 Điều 227; Điều 469 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Doãn Thị H được ly hôn anh Thái Doãn H1.
2. Về con chung: Giao con chung là Thái Doãn Nam H2, sinh ngày 20/9/2015 cho chị Doãn Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.
3. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Doãn Thị H không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Anh Thái Doãn H1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Không ai được lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung. Nếu ai vi phạm thì người kia có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con chung.

Sau khi ly hôn, vì lợi ích mọi mặt của con, khi có lý do chính đáng hoặc có căn cứ theo quy định của pháp luật, theo yêu cầu của một hoặc các bên thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Doãn Thị H không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Chị Doãn Thị H và anh Thái Doãn H1 có quyền khởi kiện bằng một vụ kiện dân sự khác khi có đơn yêu cầu.

5. Về án phí: Chị Doãn Thị H phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An, theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011557 ngày 18/11/2021.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày niêm yết hợp lệ. Bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 01 tháng, kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày niêm yết hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Cục THADS tỉnh Nghệ An;
- UBND phường Hà H2 Tập;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Nguyễn Anh Sơn